

Bàn về khung lý luận Mô hình phát triển Việt Nam trong bối cảnh mới

08:14 27/05/2026

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và hàng loạt nghị quyết chiến lược gần đây của Bộ Chính trị đã đặt nền móng cho một khung tư duy phát triển mới. Yêu cầu đặt ra không chỉ là điều chỉnh mô hình tăng trưởng mà là xác lập một mô hình phát triển quốc gia mới – một “hệ điều hành phát triển” kết nối mục tiêu phát triển, thể chế, khoa học công nghệ, văn hóa, kinh tế thị trường, công bằng xã hội, môi trường và năng lực tự cường quốc gia...

Sau gần bốn thập niên đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng hiện hành đang đối mặt với nhiều giới hạn cấu trúc: vẫn phụ thuộc vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên, lao động chi phí thấp và khu vực FDI; năng suất lao động còn khoảng cách lớn so với Đông Á; đổi mới sáng tạo nội sinh hạn chế; doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn còn ít; thể chế và quản trị quốc gia còn nhiều điểm nghẽn; nguy cơ tụt hậu công nghệ gia tăng trong bối cảnh bùng nổ AI và tự động hóa.

Trong bối cảnh chuyển đổi sâu sắc của thế giới hiện nay, phát triển quốc gia không còn được hiểu đơn thuần là tăng trưởng kinh tế hay công nghiệp hóa theo kiểu truyền thống. Một mô hình phát triển hiện đại phải là một cấu trúc tổng hợp đa chiều, bao gồm mục tiêu phát triển; thể chế chính trị – pháp lý; cơ cấu kinh tế; các chiều cạnh xã hội (giáo dục, y tế, an sinh, bình đẳng, bao trùm); môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; văn hóa; vai trò của các chủ thể; hội nhập và hợp tác quốc tế – tất cả kết nối trong một logic phát triển dài hạn, có khả năng tự điều chỉnh và chống chịu với các cú sốc bên ngoài.

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chuyển đổi số đang là một xu hướng khách quan và phổ biến. Theo WEF (2025), đến năm 2030 khoảng 22% việc làm toàn cầu sẽ thay đổi mạnh do AI và tự động hóa, với khoảng 170 triệu việc làm mới được tạo ra nhưng đồng thời khoảng 92 triệu việc làm cũ có thể biến mất.

Kinh tế số Việt Nam đã đạt khoảng 14,2% GDP và thuộc nhóm tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á, với trên 78 triệu người sử dụng Internet và hơn 170 triệu kết nối di động. Việt Nam cũng đã có những bước đi đầu tiên đáng chú ý trong ngành công nghiệp bán dẫn và AI với việc thu hút một số tập đoàn công nghệ lớn đầu tư và thiết lập trung tâm R&D.

Chuyển đổi xanh cũng là một xu hướng bao trùm, vừa tạo ra thách thức, vừa tạo ra cơ hội. Cam kết net-zero năm 2050 tại COP26 và các thỏa thuận chuyển đổi

năng lượng công bằng (JETP) đặt ra thách thức phải chuyển dịch năng lượng nhưng cũng tạo cơ hội để cơ cấu lại năng lượng của Việt Nam theo hướng đẩy mạnh các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng sạch. Chuyển đổi xanh còn là điều kiện để giúp Việt Nam tiếp cận các thị trường lớn như EU đang có những hàng rào thuế quan mới về phát thải khí nhà kính như CBAM, ESRP, CSRD...

Cạnh tranh công nghệ và các cú sốc đại dịch đang làm thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu. Các tập đoàn đa quốc gia đang thực hiện chiến lược “friend-shoring”, “near-shoring” và “China+1” để đa dạng hóa thị trường dòng FDI. Việt Nam đang nổi lên như một điểm thu hút FDI quan trọng, với FDI thực hiện năm 2025 đạt hơn 25 tỷ USD.

Tuy nhiên, nếu chỉ tập trung gia công lắp ráp với giá trị gia tăng nội địa thấp, Việt Nam khó vượt bẫy thu nhập trung bình. Yêu cầu mới đặt ra là phải nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu thông qua phát triển khoa học công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt, tăng cường liên kết FDI với doanh nghiệp trong nước và đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đại hội Đảng lần thứ XIV đã đặt ra mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Theo chuẩn của World Bank (2024), ngưỡng thu nhập cao là khoảng 14.005 USD/người/năm. Điều đó có nghĩa là thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người của Việt Nam cần tăng khoảng 3 lần so với hiện nay. Đây là kịch bản đầy thách thức khi Việt Nam đã bắt đầu già hóa dân số từ năm 2011 và dự báo có dân số già vào khoảng năm 2036.

Để thích ứng với bối cảnh mới, mô hình phát triển mới phải chuyển sang dựa trên TFP, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, AI, robot, dữ liệu, doanh nghiệp Việt lớn mạnh, kinh tế số, kinh tế xanh và thể chế hiện đại.

KHUNG LÝ LUẬN CỦA MÔ HÌNH

Một mô hình phát triển quốc gia không chỉ đơn thuần là một chiến lược phát triển hay tập hợp các chính sách phát triển, mà cần phải trả lời câu hỏi về mục tiêu phát triển, cách thức phát triển, chủ thể phát triển, hệ giá trị phát triển, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, xã hội và cách thức hội nhập với thế giới. Ở đây chỉ bàn về một số ý tưởng ban đầu của một khung lý luận về "Mô hình phát triển của Việt Nam" trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, mục tiêu phát triển

Mô hình phát triển mới của Việt Nam là mô hình phát triển lấy con người làm trung tâm, lấy năng lực tự chủ quốc gia làm nền tảng, lấy đổi mới sáng tạo và tri thức làm động lực chủ yếu, lấy phát triển bền vững và chất lượng cuộc sống làm mục tiêu cao nhất. Mục tiêu cụ thể hơn cho giai đoạn đến năm 2045 là đưa Việt Nam phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Mục tiêu sau năm 2045 sẽ cần phải tiếp tục bàn tiếp.

Trong mô hình này, tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần, còn phát triển con người toàn diện, đạt được hạnh phúc mới là mục tiêu cuối cùng, đúng theo tinh thần của Sen (1999) và UNDP (1990). Chỉ số đo lường do đó không chỉ là GDP mà còn là chỉ số phát triển con người (HDI) đã được mở rộng hơn, chỉ số hạnh phúc, chỉ số phát triển bền vững và chỉ số tự cường, chỉ số năng lực chống chịu....

Thứ hai, hệ giá trị và định hướng phát triển

Hệ giá trị của mô hình phát triển Việt Nam trong giai đoạn mới bao gồm: quốc gia tự cường, thịnh vượng và có năng lực tự chủ cao; xã hội dân chủ, pháp quyền, kỷ cương, công bằng và nhân văn; nền kinh tế sáng tạo, số, xanh và bền vững; môi trường sống hài hòa giữa con người và tự nhiên; con người Việt Nam nhân ái, sáng tạo, trách nhiệm và khát vọng cống hiến; nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc; một Việt Nam chủ động hội nhập và có trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế.

Tự cường bao hàm cả tự chủ và năng lực chống chịu cao. Thịnh vượng bao hàm cả phát triển hiện đại và chất lượng cuộc sống cao. Dân chủ, pháp quyền, kỷ cương bao hàm cả quản trị xã hội tốt.

Điểm nổi bật của mô hình này yêu cầu con người phải sáng tạo và cống hiến để có kinh tế phát triển nhanh, bắt kịp được với các quốc gia trong khu vực. Nó khác giai đoạn trước khi con người thiên về tuân thủ, làm tròn trách nhiệm. Chỉ có sáng tạo mới có thể giúp một quốc gia phát triển nhanh trong bối cảnh của công nghệ và chuyển đổi số đang có rất nhiều thay đổi tích cực.

Ngoài ra mô hình này có một đặc điểm riêng có là được định hướng bởi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với điều kiện của Việt Nam và bối cảnh thời đại.

Thứ ba, thể chế phát triển

Trong Mô hình phát triển Việt Nam, thể chế đóng vai trò là “hệ điều hành” trung tâm – đúng theo quan điểm của North (1990) và Acemoglu và Robinson (2012). Chất lượng thể chế quyết định khả năng huy động và phân bổ nguồn lực, độ tin cậy của thị trường, niềm tin xã hội và động lực đổi mới sáng tạo, đồng thời giúp tránh trở thành “điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Mô hình này đòi hỏi: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại với pháp luật minh bạch, ổn định; vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua chủ trương, đường lối và công tác cán bộ; quản trị quốc gia hiện đại dựa trên dữ liệu, nền tảng số; cơ chế bảo vệ quyền tài sản; trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực; môi trường cạnh tranh lành mạnh; khuôn khổ pháp lý khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo vệ người dám đổi mới.

Nhà nước cần thực hiện ba chuyển đổi căn bản: từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển; từ can thiệp vi mô sang điều phối chiến lược, đầu tư hạ tầng nền tảng và định hình thị trường; từ quản trị truyền thống sang quản trị số dựa trên dữ

liệu. Nghị quyết 66 của Bộ Chính trị vừa qua đã xác định pháp luật là “đột phá của đột phá”, đặt nền móng pháp lý cho toàn bộ quá trình chuyển đổi.

Thứ tư, mô hình tăng trưởng kinh tế mới, cơ cấu kinh tế hiện đại

Mô hình tăng trưởng là một tập con quan trọng bên trong Mô hình phát triển Việt Nam. Tăng trưởng giai đoạn mới không thể dựa vào chiều rộng và lao động giá rẻ, mà phải dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, AI, robot và dữ liệu lớn, dịch vụ giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Đây là những động lực tăng trưởng mới, giúp Việt Nam thu hẹp khoảng cách về năng suất với các quốc gia trong khu vực. Cơ chế vận hành của mô hình tăng trưởng là một thị trường được phát triển đầy đủ, chất lượng cao, đóng vai trò phân bổ nguồn lực hiệu quả cho phát triển.

Cơ cấu kinh tế hiện đại đến năm 2045 phải là một tổ hợp đa tầng các ngành có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Dịch vụ giá trị cao – tài chính, logistics, du lịch chất lượng cao, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin – sẽ tiệm cận tỷ trọng ở các nền kinh tế phát triển (65 – 75% GDP). Công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp xanh sẽ là nền tảng (bán dẫn, điện tử thông minh, pin và năng lượng tái tạo, ô tô điện, dược phẩm sinh học, vật liệu mới). Nông nghiệp chuyển sang mô hình thông minh, sinh thái, tuần hoàn, giá trị gia tăng cao.

Bên cạnh đó là các lĩnh vực mới nổi như kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế không gian tầng thấp và công nghiệp văn hóa... cần phải được phát huy để có tăng trưởng nhanh. Đây là sự chuyển đổi chiến lược từ cơ cấu dựa trên tài nguyên và lao động giá rẻ sang cơ cấu dựa trên tri thức, công nghệ và sáng tạo.

Thứ năm, chính sách xã hội và phát triển con người

Trong Mô hình phát triển Việt Nam, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và bình đẳng cơ hội không phải là “chi phí xã hội” bên cạnh phát triển kinh tế, mà là nền tảng quyết định phát triển dài hạn. Theo Sen (1999) và Heckman (2006), chất lượng nguồn nhân lực vừa là điều kiện hấp thụ công nghệ, vừa là cơ sở đổi mới sáng tạo. Việt Nam có lực lượng lao động hơn 52 triệu người với tinh thần hiếu học.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực ở các nhóm ngành quan trọng cho mô hình mới như STEM, AI, bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu và quản trị công nghệ vẫn là thách thức lớn. Số lượng nhà nghiên cứu và kỹ sư công nghệ cao chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa thế hệ mới. Đây là điểm nghẽn cần phải được giải quyết bằng các chiến lược giáo dục – đào tạo và thu hút nhân tài có tính đột phá.

Thứ sáu, môi trường và kinh tế xanh

Mô hình phát triển Việt Nam đặt yêu cầu kinh tế xanh và phát triển bền vững thành yêu cầu nội tại, chứ không phải là yếu tố bên ngoài được yêu cầu thêm vào cho đủ. Phát triển bền vững phải được tích hợp trong từng trụ cột và cấu phần của Mô hình phát triển Việt Nam. Mô hình mới này hướng đến sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, năng lượng...); giảm phát thải khí nhà kính phù hợp cam kết net-zero năm 2050; thúc đẩy năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, sinh khối, hydrogen và điện hạt nhân thế hệ mới); phát triển kinh tế tuần hoàn; bảo vệ hệ sinh thái; bảo đảm an ninh năng lượng và an ninh môi trường. Kinh tế xanh còn là lợi thế cạnh tranh mới, nhất là khi EU áp dụng CBAM, ESR, CSRD và tài chính xanh toàn cầu đang phát triển mạnh.

Thứ bảy, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực trung tâm của Mô hình phát triển Việt Nam và không chỉ là một lĩnh vực chính sách, mà là phương thức vận hành xuyên suốt nền kinh tế, quản lý xã hội và bảo vệ môi trường. Nếu nói một cách đầy đủ, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vừa là nền tảng phát triển của quốc gia, vừa là những đột phá chiến lược để phát triển nhanh và bền vững.

Kinh tế, xã hội, môi trường, thể chế đều cần đến công nghệ mới, đều cần đến AI, chuyển đổi số... Trong kinh tế AI, robot, dữ liệu lớn, bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới và chuyển đổi số đã trở thành lực lượng sản xuất mới, giúp Việt Nam tăng trưởng nhanh và bền vững. Trong xã hội, AI và công nghệ mới giúp quản lý xã hội tốt, đảm bảo các mục tiêu công bằng và bao trùm. Trong lĩnh vực môi trường, AI, công nghệ số giúp quản lý bền vững môi trường và hệ sinh thái.

Thứ tám, văn hóa là nền tảng

Trong Mô hình phát triển Việt Nam, văn hóa không chỉ là một lĩnh vực của đời sống xã hội mà phải được xác định là một trụ cột và nền tảng của phát triển. Văn hóa chính là yếu tố tạo nên chiều sâu tinh thần, định hướng giá trị và sức mạnh bền vững của quốc gia.

Ở cấp độ phát triển hiện đại, văn hóa còn là nguồn lực nội sinh trực tiếp của tăng trưởng và đổi mới sáng tạo. Chất lượng phát triển của một quốc gia trong dài hạn phụ thuộc không chỉ vào vốn, công nghệ hay tài nguyên, mà còn phụ thuộc vào chất lượng văn hóa của con người, doanh nghiệp và thể chế. Vì vậy, xây dựng văn hóa không chỉ nhằm bảo tồn truyền thống, mà còn nhằm hình thành hệ giá trị và chuẩn mực mới cho xã hội hiện đại.

Mặt khác, trong điều kiện phát triển nhanh của kinh tế thị trường và chuyển đổi số, văn hóa có vai trò điều tiết và định hướng phát triển theo hướng nhân văn và bền vững. Một mô hình phát triển chỉ thực sự bền vững khi sự phát triển kinh tế được dẫn dắt bởi những giá trị văn hóa tiến bộ và lấy con người làm trung tâm.

Do đó, có thể khẳng định rằng: văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là nguồn lực nội sinh, vừa là động lực mềm của phát triển quốc gia. Trong mô hình phát triển mới của Việt Nam, văn hóa phải được đặt ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển con người, củng cố sức mạnh quốc gia, nâng cao chất lượng thể chế và bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững và có bản sắc trong thế kỷ XXI.

Như vậy về cấu trúc, Mô hình phát triển Việt Nam gồm các trụ cột: kinh tế, xã hội, môi trường, thể chế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và văn hóa. Trong đó, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá quan trọng nhất để phát triển nhanh; văn hóa là nền tảng để giữ căn cốt; kinh tế và môi trường để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao năng lực chống chịu; thể chế để kiến tạo, kết nối và vận hành hiệu quả.

CÁC CHỦ THỂ CỦA MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

Mô hình phát triển Việt Nam là một hệ sinh thái phát triển nhiều chủ thể, trong đó mỗi chủ thể đảm nhận một vai trò riêng nhưng tương tác và bổ trợ lẫn nhau theo logic của một mô hình đa tầng – thừa hưởng tinh thần của lý thuyết hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Freeman (1987) và Lundvall (1992).

Nhà nước

Nhà nước giữ vai trò kiến tạo phát triển, điều phối chiến lược, bảo đảm hiệu lực của nhà nước pháp quyền, đầu tư mạnh vào hạ tầng cứng và mềm (hạ tầng số, dữ liệu, giáo dục – khoa học), và chia sẻ rủi ro trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược. Đây là vai trò của một “nhà nước kiến tạo phát triển thế hệ mới” – kết hợp bài học Đông Á với cách tiếp cận “định hướng sứ mệnh” của Mazzucato (2013, 2021).

Doanh nghiệp tư nhân

Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của tăng trưởng và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết 68 đánh dấu bước chuyển lớn khi đặt kinh tế tư nhân vào vị trí trung tâm. Doanh nghiệp tư nhân phải là người chơi chính và cần phát triển theo bốn hướng: (i) là lực lượng chủ yếu thực hiện đổi mới sáng tạo; (ii) là chủ thể thương mại hóa kết quả nghiên cứu và công nghệ; (iii) dẫn dắt chuỗi giá trị trong các ngành Việt Nam có lợi thế; (iv) hình thành thể hệ doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cạnh tranh quốc tế. Với gần 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, tỷ trọng doanh nghiệp lớn và đầu đàn trong công nghệ cao còn rất khiêm tốn – đòi hỏi sự thay đổi căn bản.

Kinh tế nhà nước

Kinh tế nhà nước giữ vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực chiến lược mà khu vực tư nhân khó đảm nhiệm một mình: năng lượng, hạ tầng giao thông – logistics, quốc phòng – an ninh, các công nghệ nền và công nghệ chiến lược, tài chính phát triển

và các quỹ đầu tư quốc gia. Nghị quyết 79 định hướng tái cấu trúc khu vực này theo hướng nâng cao hiệu quả, minh bạch.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) không còn được nhìn nhận đơn thuần như nguồn vốn bổ sung, mà như kênh chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản trị và cơ hội tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Yêu cầu mới là nâng cao liên kết FDI – doanh nghiệp nội địa, gia tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu, sử dụng FDI như đòn bẩy phát triển năng lực công nghệ. Hàn Quốc và Trung Quốc đã sử dụng FDI có chọn lọc gắn với mục tiêu xây dựng năng lực công nghệ nội sinh – kinh nghiệm quý cho Việt Nam.

Đại học và viện nghiên cứu

Đại học và viện nghiên cứu là “nhà máy sản xuất tri thức” của nền kinh tế hiện đại, đảm nhận bốn chức năng: (i) tạo tri thức mới; (ii) phát triển và chuyển giao công nghệ; (iii) đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong STEM và công nghệ chiến lược; (iv) ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ. Mô hình “đại học khởi nghiệp” theo kinh nghiệm Stanford, MIT, KAIST hay Thanh Hoa cho thấy đại học có thể trở thành động lực phát triển kinh tế trực tiếp.

Con người và cộng đồng người Việt toàn cầu

Con người trong mô hình phát triển của Việt Nam trong bối cảnh mới vừa là mục tiêu cuối cùng, vừa là chủ thể sáng tạo của phát triển. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài, với hơn 5,3 triệu người tại trên 130 quốc gia, là nguồn lực chiến lược về tri thức, công nghệ, tài chính (kiều hối khoảng 14 – 16 tỷ USD/năm) và mạng lưới quốc tế. Cần các cơ chế đột phá để thu hút lực lượng này, đặc biệt là các nhà khoa học, kỹ sư công nghệ và doanh nhân người Việt thành đạt ở nước ngoài. Việt Nam cũng cần trở thành một trung tâm khu vực thu hút nhân tài quốc tế – mô hình Singapore là tham khảo tốt.

Vai trò lãnh đạo cốt lõi của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò chủ thể lãnh đạo của Vietinmod: xác định đường lối phát triển và lựa chọn ưu tiên chiến lược dài hạn; ban hành chủ trương, nghị quyết và định hướng chính sách; lựa chọn, bố trí và giám sát đội ngũ cán bộ chiến lược. Vai trò này tạo tính ổn định chiến lược dài hạn – một điều kiện mà nhiều quốc gia đang phát triển khó đạt được.

CƠ CHẾ VẬN HÀNH MÔ HÌNH

Mô hình phát triển Việt Nam được vận hành như một hệ thống tương tác động giữa các cấu phần, trong đó mỗi cấu phần đóng một vai trò chuyên biệt nhưng cộng hưởng tạo ra động lực phát triển tích hợp.

Thứ nhất, thể chế là lõi vận hành: thể chế quyết định khả năng huy động các nguồn lực (vốn, lao động, đất đai, công nghệ, tri thức), chất lượng hoạt động của các thị trường, niềm tin xã hội và động lực đổi mới sáng tạo. Đây là lý do North (1990) và Acemoglu và Robinson (2012) coi thể chế là yếu tố nền tảng giải thích sự khác biệt thịnh vượng dài hạn.

Thứ hai, Khoa học công nghệ tạo năng suất mới: Khoa học công nghệ, AI, dữ liệu lớn, robot và đổi mới sáng tạo không chỉ thay đổi phương thức sản xuất mà còn tạo ra các ngành nghề mới (bán dẫn, kinh tế dữ liệu, dịch vụ AI, kinh tế không gian tầng thấp), nâng cao năng suất lao động và TFP. Khoa học công nghệ chính là “động cơ tăng trưởng mới” thay thế động cơ truyền thống dựa vào tích lũy vốn và lao động giá rẻ.

Thứ ba, doanh nghiệp là chủ thể tạo giá trị: doanh nghiệp tư nhân Việt, doanh nghiệp nhà nước và FDI là chủ thể trực tiếp tạo ra giá trị thông qua đầu tư R&D, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tạo việc làm, nâng cấp vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, giáo dục và y tế tạo vốn con người – yếu tố nền tảng cho mọi động lực tăng trưởng dài hạn.

Thứ năm, văn hóa tạo động lực nội sinh: văn hóa tạo nên hệ giá trị định hướng, củng cố niềm tin xã hội, thúc đẩy tinh thần hiếu học và sáng tạo, tạo sức mạnh mềm quốc gia. Nghị quyết 80 đã khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần và động lực phát triển.

PGS.TS.Bùi Quang Tuấn

**Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế
Việt Nam**